

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỐT NỐT
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Bản án số: 35/2025/DS-ST

Ngày: 29-4-2025

V/v “Tranh chấp hợp đồng
chuyển nhượng quyền sử
dụng đất và tranh chấp QSD
đất”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Khúc Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lê Cẩm Huỳnh
- Bà Huỳnh Thị Mỹ Nhung

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 347/2024/TLST- DS ngày 22 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tranh chấp quyền sử dụng đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 258/2025/QĐXX-ST ngày 26 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 312/QĐST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Vũ P, sinh năm 1985, có mặt

Nơi cư trú: ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1960, *đề nghị vắng mặt*

Nơi cư trú: khu vực L, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1966, *vắng mặt lần 2 không lý do*
- Ông Lê Văn M1, sinh năm 1985, *đề nghị vắng mặt*
- Bà Phạm Thị Bé N, sinh năm 1978, *đề nghị vắng mặt*

Nơi cư trú: khu vực L, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Vũ Phương trình B và yêu cầu:

Nguyên đơn với ông Nguyễn Văn T có làm hợp đồng chuyển nhượng QSD đất ngày 08/4/2020 về việc ông T chuyển nhượng cho nguyên đơn thửa đất số 1112, tờ bản đồ số 1, diện tích 559.2m² loại đất ở tại nông thôn, giấy chứng nhận QSD đất số H02497 do ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 09/01/2008 cho ông Nguyễn Văn T, đất tọa lạc tại ấp L, xã T nay là khu vực L, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ. Việc chuyển nhượng có công chứng chứng thực theo quy định.

Giá chuyển nhượng là 200.000.000đ, nguyên đơn đã giao đủ tiền chuyển nhượng cho ông T. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa được nhận đất sử dụng, nguyên nhân do bà Nguyễn Thị M là chị ông T ngăn cản và có nhà ở trên đất. Bà M cho rằng phần đất nguyên đơn chuyển nhượng là có đất của bà M, nhiều lần nguyên đơn yêu cầu bà M phải tháo dỡ di dời tài sản trả đất cho nguyên đơn nhưng bà M không thực hiện.

Đối với kết quả thẩm định, định giá ngày 12/12/2024 và bản trích đo địa chính số 122/VPĐKĐĐ có xác nhận của Văn phòng đăng ký đất đai – Sở Tài nguyên và môi trường thành phố C ngày 14/01/2025 thống nhất làm căn cứ giải quyết vụ án. Qua đo đạc thẩm định thực tế trên thửa 1112 có 03 căn nhà là nhà của ông T, nhà bà M và nhà ông M1. Thời điểm nguyên đơn nhận chuyển nhượng đất thì nguyên đơn có xuống xem đất và ông T là người trực tiếp chỉ vị trí đất, lúc đó trên đất có 03 căn nhà như hiện tại nhưng ông T nói xung quanh đều là đất của ông T nên đồng ý mua.

Nay nguyên đơn yêu cầu công nhận cho nguyên đơn hợp đồng chuyển nhượng QSD đất giữa nguyên đơn với ông T và yêu cầu công nhận cho nguyên đơn diện tích đất theo đo đạc thực tế có diện tích 118.9m² ODT, vị trí B theo bản trích đo địa chính, đất tọa lạc tại khu vực L, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ. Đối với căn nhà của ông T nguyên đơn đồng ý trả giá trị căn nhà cho ông T theo giá đã được hội đồng định giá. Đối với vị trí A, vị trí C theo bản trích đo địa chính nguyên đơn không yêu cầu, đồng ý công nhận cho ông M1 và bà M.

Bản chính giấy chứng nhận QSD đất thửa đất tranh chấp thì trước đây ông T có giao cho nguyên đơn giữ, sau đó nguyên đơn đã làm mất và đến nay chưa tìm được.

Bị đơn bà Nguyễn Thị M quá trình giải quyết trình bày:

Ông Nguyễn Văn T là em ruột của bà. Hiện nay bà đang ở trên thửa đất tranh chấp tại vị trí A theo bản trích đo địa chính. Nguyên nhân vào khoảng năm 1983 cha mẹ bà là Nguyễn Văn M2 và bà Lê Thị T1 có cho 01 cái nền nhà và cất nhà ở ổn định từ đó cho đến nay, nhưng việc cho đất chỉ bằng lời nói, đồng thời ông T cũng được cho phần đất kế bên. Do không có điều kiện nên không tách thửa và để ông T đứng tên giấy chứng nhận QSD đất toàn bộ thửa đất.

Ông T chuyển nhượng QSD đất cho ông P thửa đất số 1112, tờ bản đồ số 1, diện tích 559.2m² loại đất ở tại nông thôn, giấy chứng nhận QSD đất số H02497 do ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 09/01/2008 cho ông Nguyễn Văn T, đất tọa lạc tại ấp L, xã T nay là khu vực L, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ thì bà hoàn toàn không biết nên không đồng ý việc ông T chuyển nhượng cho ông P

thửa đất 1112 do có phần đất của bà.

Đối với kết quả thẩm định, định giá ngày 12/12/2024 và bản trích đo địa chính số 122/VPĐKĐĐ có xác nhận của Văn phòng đăng ký đất đai – Sở Tài nguyên và môi trường thành phố C ngày 14/01/2025 thống nhất làm căn cứ giải quyết vụ án.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà đề nghị Toà án công nhận cho bà được quyền sử dụng đất diện tích 107.2m² ODT vị trí A theo bản trích đo địa chính, đất tọa lạc tại khu vực L, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

Đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng tại các cấp Toà án và đôi chất (nếu có).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Văn M1 trình bày: ông Nguyễn Văn T là cậu ruột của ông M1. Hiện nay ông đang ở trên thửa đất tranh chấp tại vị trí C theo bản trích đo địa chính. Nguyên nhân được bà ngoại (bà T1) cho phần đất cất nhà ở ổn định từ khoảng năm 2005 cho đến nay, nhưng việc cho đất chỉ bằng lời nói, còn giấy tờ thì ông T là người đứng tên chủ quyền sử dụng đất. Ông T chuyển nhượng QSD đất cho ông P thửa đất số 1112, ông không biết.

Đối với kết quả thẩm định, định giá ngày 12/12/2024 và bản trích đo địa chính số 122/VPĐKĐĐ có xác nhận của Văn phòng đăng ký đất đai – Sở Tài nguyên và môi trường thành phố C ngày 14/01/2025 thống nhất làm căn cứ giải quyết vụ án.

Đối với phần đất đường giao thông 29.1m² là nằm trong thửa đất 1112 lẽ ra ông yêu cầu công nhận được quyền sử dụng nhưng ông đồng ý để làm đường đi cho cộng đồng dân cư phục vụ mở rộng đường giao thông cho dân cư sinh sống xung quanh có lối đi thuận tiện.

Ông đề nghị Toà án công nhận cho ông được quyền sử dụng đất diện tích 27.8m² ODT vị trí C theo bản trích đo địa chính, đất tọa lạc tại khu vực L, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ. Các phần đất còn lại không ý kiến, đồng ý công nhận hợp đồng cho ông P.

Đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng tại các cấp Toà án và đôi chất (nếu có).

2. Bà Phạm Thị Bé N trình bày: là vợ ông M1, thống nhất với ý kiến ông M1. Đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng tại các cấp Toà án và đôi chất (nếu có).

Phần các đương sự trình bày tại phiên tòa

Nguyên đơn: nguyên đơn giữ nguyên lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng QSD đất ngày 08/4/2020 giữa nguyên đơn với ông Nguyễn Văn T, nguyên đơn yêu cầu công nhận cho nguyên đơn QSD đất diện tích 118,9m² ODT (vị trí B) theo bản trích đo địa chính. Đối với căn nhà của ông T tại vị trí B nguyên đơn đồng ý trả giá trị theo giá đã được Hội đồng định giá. Ngoài ra, tại vị trí A và vị trí C có nhà của bà M và nhà của ông M1, nguyên đơn đồng ý công nhận cho bà M phần đất vị trí A diện tích 107,2m² ODT và công nhận cho ông M1 phần đất vị trí C diện tích 27,8m²

ODT theo bản trích đo địa chính. Về chi phí thẩm định, định giá nguyên đơn tự nguyện chịu.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Chấp nhận yêu cầu phản tố bị đơn.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lê Văn M1.

Công nhận hợp đồng chuyển nhượng QSD đất ngày 08/4/2020 giữa ông Nguyễn Văn T với ông Nguyễn Vũ P.

Công nhận phần diện tích tại vị trí B: 118.9m² loại đất ODT theo bản trích đo cho ông Nguyễn Vũ Phương

Công nhận phần diện tích tại vị trí A: 107.2m² loại đất ODT theo bản trích đo cho bà Nguyễn Thị M

Công nhận phần diện tích tại vị trí C: 27.8m² loại đất ODT theo bản trích đo cho ông Nguyễn Văn M3

Về án phí đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: theo đơn khởi kiện, đơn phản tố, đơn yêu cầu độc lập và chứng cứ có trong hồ sơ Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ pháp luật “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tranh chấp quyền sử dụng đất*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không tiến hành hoà giải được, do đó phải đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa bị đơn có đề nghị xét xử vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có người đề nghị vắng mặt có người vắng mặt lần thứ 2 không lý do. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn ông Nguyễn Vũ P yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng QSD đất ngày 08/4/2020 giữa ông Nguyễn Vũ P với ông Nguyễn Văn T. Nguyên đơn yêu cầu công nhận cho nguyên đơn QSD đất diện tích 118,9m² ODT (vị trí B) theo bản trích đo địa chính.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Mến yêu C công nhận cho bà M được quyền sử dụng

đất diện tích 107.2m² ODT vị trí A theo bản trích đo địa chính, đất tọa lạc tại khu vực L, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn M1 yêu cầu công nhận cho ông M1 được quyền sử dụng đất diện tích 27.8m² ODT vị trí C theo bản trích đo địa chính, đất tọa lạc tại khu vực L, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu phản tố của bị đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Ông Nguyễn Vũ P với ông Nguyễn Văn T có làm hợp đồng chuyển nhượng QSD đất ngày 08/4/2020 về việc ông T chuyển nhượng cho ông Phương diện T2 đất 559,2m² đất ở tại nông thôn thuộc thửa 1112, tờ bản đồ số 01, giấy chứng nhận QSD đất số H02497 do ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 09/01/2008 cho ông Nguyễn Văn T, đất tọa lạc tại ấp L, xã T nay là khu vực L, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ. Giá chuyển nhượng 200.000.000đ. Đến nay nguyên đơn chưa được nhận đất sử dụng do bị đơn bà Nguyễn Thị M có hành vi ngăn cản cho rằng đất nguyên đơn nhận chuyển nhượng là có phần đất của bà M.

Về phía ông Nguyễn Văn T quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa đều vắng mặt, mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho ông T nhưng cũng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, ngày 20/11/2020 ông T có uỷ quyền cho ông P liên hệ làm các thủ tục điều chỉnh, chỉnh lý biến động các thông tin về thửa đất sau khi hai bên làm hợp đồng chuyển nhượng.

Về hợp đồng chuyển nhượng QSD đất giữa ông P với ông T là có công chứng theo quy định pháp luật, bà M không đồng ý với việc ông T chuyển nhượng cho ông P do thửa đất 1112 có phần đất của bà đã được cha mẹ cho nhưng bà M không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Do đó, nguyên đơn yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng QSD đất ngày 08/4/2020 là có căn cứ. Tuy nhiên, ông P chỉ yêu cầu công nhận cho ông phần đất có diện tích 118,9m² ODT (vị trí B) theo bản trích đo địa chính. Đây là sự tự nguyện của ông P nên được Hội đồng xét xử công nhận cho ông P phần đất có diện tích 118,9m² ODT (vị trí B), ông P được quyền sử dụng phần đất này.

Đối với căn nhà của ông T tại vị trí B, có kết cấu khung gỗ mái tole, vách tole, nền gạch tàu + đất, không trần, diện tích 61.6m². Ông P đồng ý trả giá trị căn nhà cho ông T. Do đó, ông P được quyền sử dụng căn nhà trên và có trách nhiệm trả cho ông T số tiền 14.691.000đ.

[2.2] Đối với yêu cầu phản tố của bà M và yêu cầu độc lập của ông M1 được ông P đồng ý. Như phân tích mục [2.1] hợp đồng chuyển nhượng QSD đất giữa ông P và ông T được công nhận do đó việc ông P đồng ý công nhận cho bà M và ông M1 là phù hợp nên được Hội đồng xét xử công nhận cho bà M phần đất có diện tích 107.2m² ODT vị trí A theo bản trích đo địa chính và công nhận cho ông M1 phần đất diện tích 27.8m² ODT vị trí C theo bản trích đo địa chính, đất tọa lạc tại khu vực L, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

Theo Quyết định số 20/2024/QĐ-UBND ngày 11/10/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố C quy định về điều kiện tách thửa, hợp thửa và diện tích tối thiểu

tách thửa đối với từng loại đất tại điểm d khoản 2 Điều 1 quy định không áp dụng trong trường hợp “*tách thửa đất đối với trường hợp tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước, tặng cho quyền sử dụng đất cho cộng đồng dân cư để xây dựng các công trình phục vụ lợi ích chung của cộng đồng hoặc mở rộng đường giao thông theo quy hoạch;..*”. Do đó, đối với phần đất công nhận cho ông M1 vị trí C có diện tích 27.8m² ODT thuộc trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 1 của Quyết định trên.

Đối với bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02497, thửa 1112, do ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 09/01/2008 cho ông Nguyễn Văn T đứng tên, ông P xác định đã làm mất. Căn cứ phiếu xác nhận về việc cung cấp dữ liệu đất đai ngày 07/3/2025 của chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai quận T, thửa đất trên vẫn do ông T đứng tên chưa chỉnh lý biến động. Do đó, việc giấy chứng nhận QSD đất bị mất không làm thay đổi vụ án.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: đương sự phải chịu theo quy định.

[4] Về chi phí thẩm định, định giá và lệ phí bản vẽ: nguyên đơn tự nguyện chịu, công nhận đã nộp và chi xong.

[5] Lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát về phần thủ tục, cũng như đề xuất về nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định và quyết định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 4, 5, 6, 11, 14, 26, 35, 39, 147, 157, 165, 227, 228, 254, 262, 264, 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Điều 117, 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 220 Luật đất đai năm 2024.

Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Vũ P.

Công nhận phần đất diện tích 118,9m² ODT (vị trí B) theo bản trích đo địa chính cho ông Nguyễn Vũ P, thuộc một phần thửa 1112, tờ bản đồ số 1, giấy chứng nhận QSD đất số H02497 do ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 09/01/2008 cho ông Nguyễn Văn T, đất tọa lạc tại ấp L, xã T nay là khu vực L, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

Ông Nguyễn Vũ P được quyền sử dụng căn nhà có kết cấu khung gỗ, mái tole, vách tole, nền gạch tàu + đất, không trần, diện tích 61.6m² và có trách nhiệm trả giá trị căn nhà cho ông Nguyễn Văn T số tiền 14.691.000đ (*mười bốn triệu sáu trăm chín mươi một nghìn đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người bị thi hành án chậm trả số tiền trên, còn phải chịu lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị M.

Bà Nguyễn Thị M được quyền sử dụng diện tích 107,2m² ODT (vị trí A) theo bản trích đo địa chính, thuộc một phần thửa 1112, tờ bản đồ số 1, giấy chứng nhận QSD đất số H02497 do ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 09/01/2008 cho ông Nguyễn Văn T, đất tọa lạc tại ấp L, xã T nay là khu vực L, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn M1.

Ông Lê Văn M1 được quyền sử dụng diện tích 27,8m² ODT (vị trí C) theo bản trích đo địa chính, thuộc một phần thửa 1112, tờ bản đồ số 1, giấy chứng nhận QSD đất số H02497 do ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 09/01/2008 cho ông Nguyễn Văn T, đất tọa lạc tại ấp L, xã T nay là khu vực L, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

Căn cứ vào biên bản xem xét thẩm định tài sản, biên bản định giá tài sản ngày 12/12/2024 và bản trích đo địa chính số: 122/VPĐKĐĐ có xác nhận của Văn phòng đăng ký đất đai – Sở Tài nguyên và môi trường thành phố C ngày 14/01/2025 để xác định vị trí, kích thước phần đất, tài sản tranh chấp, diện tích phần đất đương sự được sử dụng.

Đương sự có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận QSD đất theo quy định.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Nguyễn Vũ P phải chịu 1.035.000đ (một triệu không trăm ba mươi lăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005674 ngày 17/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, Tp .. Ông P còn phải nộp là 735.000đ (bảy trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn M1 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002602 ngày 10/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, Tp ..

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Về chi phí đo đạc, xem xét thẩm định, định giá và lệ phí bản vẽ địa chính: Hội đồng chỉ các khoản hết 6.000.000đ (sáu triệu đồng), nguyên đơn tự nguyện chịu, công nhận đã nộp và chi xong.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết nơi cư trú.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKS quận Thốt Nốt;
- Chi cục THA dân sự quận Thốt Nốt;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

đã ký

Khúc Thị Hồng